

## 4. Các chiến lược phát triển

### 4.1 Xúc tiến và quảng bá thị trường

#### 4.1.1 Các chiến lược xúc tiến và quảng bá

Tổng cục Du lịch Việt Nam cần nỗ lực xây dựng chiến lược xúc tiến cần thiết để Việt Nam hoàn toàn được chấp nhận là một điểm đến du lịch trong các thị trường nguồn chính của thế giới. Chiến lược đó bao gồm:

- Quảng bá Việt Nam là một điểm đến du lịch hấp dẫn nhờ bản sắc dân tộc, lối sống, tự nhiên, văn hóa, di tích cách mạng, sự thân thiện, sự thanh bình...
- Biến Việt Nam thành một điểm đến du lịch có khả năng cạnh tranh tại các thị trường nguồn chính đối với cả khách thị trường gần và xa
- Xúc tiến nhằm khuyến khích thêm khách du lịch tới Việt Nam, và lôi kéo họ thăm quan nhiều điểm trong nước, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi dùng hàng ngày cao hơn, đồng thời xem xét tới khả năng tiếp nhận và nét đặc thù của từng điểm đến
- Thành lập một cơ quan, tạm thời lấy tên là Ban Xúc tiến Du lịch Việt Nam (VTPB) dưới sự chỉ đạo của Tổng cục Du lịch Việt Nam, để đảm trách công tác xúc tiến và quảng bá ở trình độ chuyên nghiệp
- Thành lập các văn phòng đại diện nước ngoài của VTPB tại các thị trường nguồn chủ chốt để tiến hành các hoạt động xúc tiến cụ thể và đa dạng trong phân địa bàn phụ trách của mình
- Thành lập Trung tâm Thông tin Du lịch (TIC) trực thuộc VTPB tại ba thành phố cửa ngõ và các thành phố du lịch quen thuộc khác nhằm tăng cường sự thân thiện của các điểm đến.

#### 4.1.2 Vai trò của Chính phủ với sự hội nhập toàn diện và hợp tác phát triển

Các cơ quan thi hành có thể chủ yếu là chính quyền các địa phương kể cả trường hợp liên kết với khối tư nhân. Các bộ (không riêng VNAT) cần làm tròn vai trò giám sát. Các bộ nên lập các tiêu chí và hướng dẫn cho việc thành lập, hoạt động và thanh tra để bảo vệ các tài sản quốc gia và quốc tế vì sự phát triển du lịch bền vững.

Bảng 4.1 Vai trò của các cơ quan trong phát triển Du lịch

Cơ quan thi hành	Vai trò và chức năng	Trách nhiệm
Các bộ	Giám sát	Các hướng dẫn phát triển, các qui định và hỗ trợ tài chính trừ đầu tư trực tiếp vào cơ sở hạ tầng quốc gia
Các tỉnh (hoặc thành phố)	Thi hành	Cơ sở hạ tầng của tỉnh và trang thiết bị công cộng
Khối tư nhân	Chỉ thi hành hoặc quản lý và hoạt động	Tham gia vào các dự án có lãi

Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

Trong một số trường hợp, các chương trình và dự án liên quan đến nhiều địa phương như phát triển mạng lưới hoặc tài nguyên tự nhiên như rừng quốc gia. Để dự án được tiến hành trôi chảy và hiệu quả, khuyến nghị hình thành một hệ thống tổ chức trong đó các bên sẽ cùng tham gia quản lý các hoạt động.

## 4.2 Phát triển nguồn nhân lực (HRD)

Sau đây là các chiến lược cần thiết cho kế hoạch tăng cường nguồn nhân lực trong ngành du lịch

(1) Cải thiện hệ thống HRD nhằm tăng cường sự hiệu quả của hệ thống giáo dục đào tạo du lịch

Hoạt động của các thể chế nằm trong hệ thống HRD và cơ cấu của hệ thống cần đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của ngành.

- Tăng cường sự phối hợp và quản lý giữa hệ thống đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch
- Phát triển và tăng cường mối liên kết ngành với hệ thống đào tạo
- Phát triển các tiêu chuẩn nghề nghiệp nhằm phản ánh kỹ năng chuyên môn cần thiết cho từng nghề
- Phát triển chứng chỉ ngành nghề cho từng cấp độ nghề
- Xây dựng uy tín đào tạo dựa trên tiêu chuẩn nghề nghiệp
- Phát triển hệ thống tài chính tư nhân

(2) Tăng cường cung cấp đào tạo để nâng cao chất lượng và số lượng lao động

Xét về phạm vi, cần tăng cường việc cung cấp đào tạo cả về số lượng và chất lượng, cũng như để đảm bảo đáp ứng các nhu cầu của ngành. Cụ thể là:

- Chú trọng hơn vào những lực lượng tiếp xúc trực tiếp với khách du lịch
- Tăng khả năng đào tạo
- Tăng cường mạng lưới đào tạo du lịch để đảm bảo rằng sinh viên có thể tham gia vào các khóa học khác nhau tại các trường khác nhau và được công nhận bằng cấp
- Cải thiện công tác quản lý trường đào tạo du lịch nhằm quản lý hiệu quả các trường đào tạo cũng như tăng cường nghiên cứu vào các yêu cầu đào tạo ngành
- Cải thiện và xây dựng chương trình học
- Củng cố đội ngũ giáo viên đạt tiêu chuẩn đề ra của ngành
- Sử dụng việc cung cấp đào tạo để đạt được các mục tiêu phát triển trong việc hình thành việc làm

## 4.3 Phát triển tiện nghi

### 4.3.1 Cơ sở hạ tầng

Phát triển cơ sở hạ tầng và tiện nghi du lịch đóng một vai trò then chốt không chỉ trong việc nâng cấp và phát triển các sản phẩm du lịch mà còn cung cấp các dịch vụ cơ bản cho du khách như là một chiến lược phát triển. Sau đây là một số định hướng đề xuất cho việc phát triển cơ sở hạ tầng và tiện nghi du lịch:

- Tiện nghi giao thông đặc biệt là khả năng tiếp cận đường không, đường biển cho khách du lịch tàu biển và nâng cấp đoạn Huế - Đà Nẵng
- Các tiện nghi vệ sinh để bảo vệ môi trường đặc biệt là ở khu vực đô thị
- Tiện nghi du khách như các trung tâm thông tin, nơi nghỉ ngơi, công viên và khu vệ sinh công cộng đảm bảo du lịch thuận tiện và an toàn tại không chỉ khu vực đô thị mà cả ở các điểm du lịch.

#### 4.3.2 Cơ sở lưu trú

Phát triển cơ sở lưu trú căn cơ bản theo nhu cầu thị trường

Những khu vực bờ biển trong vùng nghiên cứu là những vị trí tốt nhất để phát triển cơ sở lưu trú. Đồng thời một số khu đô thị và vị trí cụ thể ở nông thôn cũng tương đối phù hợp.

#### 4.4 Quản lý tài nguyên du lịch

##### 4.4.1 Bảo tồn môi trường tự nhiên

Theo các chiến lược về quản lý và phát triển cho phát triển du lịch, cần có các biện pháp sau để bảo tồn môi trường tự nhiên.

(1) Bảo vệ và cải thiện các điều kiện tự nhiên

Để bảo vệ và cải thiện các điều kiện tự nhiên, cơ sở cho phát triển du lịch, cần có các biện pháp về kiểm soát lũ, quản lý rừng và phát triển thủy lợi.

(2) Bảo vệ và giảm thiểu tác động môi trường do phát triển du lịch

Để bảo vệ và giảm thiểu tác động môi trường do phát triển du lịch gây nên cần có các biện pháp sau:

- Hình thành năng lực đánh giá môi trường chiến lược cho quy hoạch du lịch
- Tăng cường và nâng cấp các hệ thống đánh giá tác động môi trường
- Thiết lập các hệ thống quan trắc môi trường

(3) Các biện pháp về các vấn đề toàn cầu và phát triển nguồn nhân lực

Đối với các vấn đề toàn cầu và phát triển nguồn nhân lực cần có các biện pháp sau:

- Quản lý bờ biển
- Quản lý vùng bảo vệ
- Tăng cường năng lực cho các công chức nhà nước về các vấn đề phát triển du lịch
- Tăng cường ý thức môi trường cho công chức nhà nước, các công ty tư nhân và người dân địa phương
- Giáo dục môi trường cho sinh viên, học sinh

##### 4.4.2 Quản lý và bảo tồn tài nguyên lịch sử và văn hoá

Sau đây là một số biện pháp chủ yếu để quản lý tài nguyên:

- Xây dựng hệ thống phân vùng quản lý để bảo tồn và sử dụng các tài nguyên du lịch ở cả đô thị và nông thôn
- Kiểm soát lưu lượng giao thông phù hợp với hệ thống phân vùng trên
- Lập các định hướng phát triển tiện nghi ở những vùng và khu vực cụ thể
- Cung cấp thông tin về các di tích văn hoá và lịch sử và các sản phẩm khác không chỉ cho du khách mà cho cả người dân Việt Nam. Cần bổ sung các tiện nghi cho du khách như phòng trưng bày tại di tích để giới thiệu thông tin và nhận thức chung, các trung tâm thủ công mỹ nghệ để giới thiệu quá trình sản xuất, trung tâm du khách để quản lý và hướng dẫn du khách.

#### 4.4.3 Bảo tồn môi trường xã hội và phát triển nông thôn

Xem xét các vấn đề đã trình bày ở chương trước, có thể đề xuất một số chiến lược lâu dài như sau:

##### (1) Thiết lập và triển khai các hướng dẫn du lịch làng quê

Để hỗ trợ du lịch làng quê bền vững về mặt kinh tế, văn hoá và môi trường, những hướng dẫn cần bám sát các điều kiện hiện tại.

Những hướng dẫn bao gồm:

- Đặc tính phát triển du lịch
- Thuận lợi và khó khăn của phát triển du lịch đối với phát triển nông thôn ở Việt Nam.
- Các mục đích của hướng dẫn
- Phạm vi áp dụng các hướng dẫn
- Định nghĩa chung về du lịch (những điều kiện cần thiết cho du lịch bền vững)
- Vai trò và trách nhiệm của các nhà nắm giữ tài nguyên trong phát triển du lịch
- Tiến trình hình thành du lịch làng quê

##### (2) Lập và triển khai danh mục đánh giá phát triển du lịch theo dạng

Du lịch ở miền Trung có thể phân thành bốn loại chủ yếu là (a) du lịch làng quê, (b) du lịch nghỉ dưỡng biển, (c) du lịch làng quê/ sinh thái và (d) du lịch văn hoá và lịch sử. Mỗi loại cần đóng góp cho sự phát triển khu vực và mang lại lợi ích cho người dân địa phương và một danh mục đánh giá sẽ rất hữu ích để xem xét và biểu dương sự phát triển cũng như hướng dẫn phát triển phù hợp.

##### (3) Xây dựng các quy định để bảo vệ môi trường xã hội

Nhằm tránh các tác động xấu, cần có các quy định liên quan đến kinh doanh du lịch và các hoạt động du lịch. Đặc biệt cần quan tâm đến các vấn đề sau:

- Kiểm soát hàng rong và cửa hàng
- Kiểm soát giá cả, lệ phí và chất lượng dịch vụ
- Kiểm soát các tuyến dã ngoại (kiểm soát số lượng du khách tại một số địa điểm)
- Kiểm soát hướng dẫn viên du lịch tại địa bàn
- Kiểm soát hành vi của du khách và dân cư địa phương
- Kiểm soát trị an công cộng

##### (4) Triển khai một số dự án thí điểm để đáp ứng điều kiện hiện tại

###### Phát triển cơ sở hạ tầng:

- Nhà vệ sinh, phòng tắm trong các cơ sở lưu trú, nơi ăn nghỉ và nhà hàng cần có hệ thống xử lý nước thải phù hợp.
- Khả năng tiếp cận cần được cải thiện với mạng lưới đường xã, bến bãi và giao thông phù hợp.

###### Cung cấp thông tin và hỗ trợ của chính quyền:

- Quy hoạch phát triển du lịch cần được lập và phát triển với sự tham gia của người dân địa phương. Đồng thời, quy hoạch cần được giải thích rõ ràng cho người dân địa phương để triển khai hiệu quả.
- Chính quyền cần cung cấp các hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật cho các hộ gia đình tham gia vào du lịch.
- Hệ thống phối hợp giữa các nhà nắm giữ tài nguyên như các công ty du lịch, chính phủ và người dân địa phương cần được tăng cường.

Đào tạo và tham gia của cộng đồng:

- Người dân địa phương cần được đào tạo về hướng dẫn du lịch, về quản lý và dịch vụ cơ sở lưu trú bao gồm cả các lớp ngoại ngữ.

Bảo vệ môi trường:

- Các hệ thống và quy định cho làng quê, doanh nghiệp du lịch, hướng dẫn viên cần được xem xét để bảo tồn môi trường xã hội và tự nhiên.

**4.4.4 Bảo vệ và nâng cấp hiện trạng đô thị**

Để bảo vệ và nâng cấp hiện trạng đô thị cần có các biện pháp sau:

- Kiểm soát ô nhiễm nước ở Đà Nẵng, Huế, Hội An và Nha Trang
- Quản lý chất thải rắn ở Đà Nẵng, Hội An và Huế

Để bảo vệ và giảm thiểu tác động môi trường do phát triển du lịch cần có các biện pháp sau:

- Thiết lập hệ thống quản lý đô thị cho công tác quản lý phát triển đô thị và bảo tồn môi trường tự nhiên, lịch sử và văn hoá đặc biệt là ở Huế và Hội An.
- Kiểm soát sử dụng đất đô thị vùng bờ biển Đà Nẵng và Nha Trang để duy trì môi trường và không khí tốt của chất lượng nước và các bãi biển dọc thành phố
- Xây dựng trung tâm du khách hoặc những nơi du khách có thể nhận thông tin, gặp gỡ mọi người, nghỉ ngơi và là đầu mối giao thông để thay đổi phương tiện giao thông như từ xe buýt sang thuyền. Nhưng nơi như thế cần thuận tiện và tiện nghi cho du khách.

## 5. Các dự án và chương trình ưu tiên

### 5.1 Các dự án và chương trình

Theo như chiến lược phát triển đã được đưa ra, các dự án và chương trình ưu tiên được xác định và liệt kê trong bảng 5.2 và 5.3. Các chương trình/ dự án được đưa ra dựa vào các tiêu chí sau: (1) Tối đa hoá các lợi ích của Vùng nghiên cứu và quốc gia, (2) Giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường tự nhiên và xã hội, (3) Tính sẵn sàng của chương trình/ dự án. Ví dụ, cơ quan thi hành và nguồn tài chính được xem xét. Nếu một chương trình/ dự án không có các tiềm năng ở điểm (3) nhưng lại đạt được điểm (1) và (2), Đoàn nghiên cứu JICA đề xuất tiến hành thí điểm trước.

Địa điểm của các dự án và chương trình ưu tiên cùng với các vùng có tiềm năng phát triển du lịch chia theo các tỉnh cũng được trình bày từ Hình 5.1 đến 5.11.

### 5.2 Phân tích tác động kinh tế

Bảng 5.1 chỉ ra các chi phí dự án và phần tăng thêm của giá trị gia tăng so sánh với lượng năm 2000. Phần tăng thêm của giá trị gia tăng từ các hoạt động du lịch là 4.625 triệu USD; mặt khác, các chi phí dự án bao gồm cả chi phí vận hành và bảo dưỡng là 875 triệu USD. Tỷ lệ của phần tăng thêm của giá trị gia tăng trên các chi phí dự án là 5,3.

Bảng 5.1 Chi phí dự án và phần tăng thêm của giá trị gia tăng  
(Đơn vị: nghìn USD - thời giá: năm 2000)

		2003-2010	Chú thích
Lợi ích	Phần tăng thêm của GTGT	4.625	So với GTGT năm 2000
Chi phí	Các chi phí chương trình/ dự án	875	Bao gồm cả chi phí vận hành và bảo dưỡng
	Tỷ lệ Lợi ích/ Chi phí	5,3	

Nguồn: Đoàn nghiên cứu JICA

### 5.3 Đánh giá môi trường ban đầu

Hai mươi lăm (25) dự án/ chương trình đã được đưa ra trong nghiên cứu. Những dự án/ chương trình này được phân ra làm ba loại.

- Loại A: Các dự án/ chương trình không có tác động môi trường
- Loại B: Các dự án/ chương trình cần có sự trao đổi với Sở KH-CN-MT, và
- Loại C: Các dự án/ chương trình cần tiến hành Đánh giá Tác động Môi trường (EIA)

Các dự án/ chương trình loại C có khả năng tác động đến môi trường. Tất cả các dự án/ chương trình đều phải lập EIA theo các quy định về đánh giá tác động môi trường của Việt Nam.

**Bảng 5.2: Các dự án/ chương trình (1)**

Mã	Tên dự án/ chương trình	Địa điểm	Thời gian			Cơ quan thực hiện
			-05	-10	11-	
<b>Phát triển thể chế</b>						
ID1	Ban Xúc tiến Du lịch Việt Nam (VTPB)	Hà Nội, 10 TP nước ngoài	■	■		TCDL, các UBND và công ty
ID2	Trung tâm thông tin Du lịch (TIC)	3 sân bay, Trung tâm du khách, Bãi đỗ xe bên đường	■	■		TCDL, Cục HKDDVN và UBND 11 tỉnh thành
<b>Phát triển nguồn nhân lực</b>						
HR1	Học viện Du lịch Việt Nam	TP Đà Nẵng	■			TCDL, UBND TP Đà Nẵng
HR2	Trường Du lịch Nha Trang	TP Nha Trang	□	■		TCDL, UBND tỉnh Khánh Hoà
<b>Phát triển tiện nghi: Giao thông</b>						
FT1	Chương trình nâng cấp sân bay	Huế, Đà Nẵng, Nha Trang	■	■		Cục HKDDVN
FT2	Nhà ga tầu biển du lịch	Cảng Tiên Sa	■			VINALINES
FT3	Phát triển các bãi đỗ xe bên đường	11 tỉnh	■	■		UBND 11 tỉnh
<b>Phát triển tiện nghi: Cơ sở lưu trú</b>						
FA1	Khu du lịch Lăng Cô	Lăng Cô	■	■		UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
FA2	Khu du lịch mũi Kê Gà	Hàm Thuận Nam	□	■	■	UBND tỉnh Bình Thuận
<b>Phát triển tiện nghi: Dịch vụ</b>						
FS1	Nâng cấp sản phẩm thủ công mỹ nghệ	Huế, Ninh Thuận	■			UBND tỉnh TTHuế, Ninh Thuận
FS2	Khu bảo tồn thiên nhiên động Phong Nha	Phong Nha	■			UBND tỉnh Quảng Bình
FS3	Mạng lưới thông tin bảo tàng lịch sử - văn hoá	11 tỉnh	■	■		UBND 11 tỉnh/ Bộ VH TT
FS4	Phát triển Trung tâm du khách	Huế, Hội An, Nha Trang	□	■		UBND TT Huế, Khánh Hoà, Hội An
FS5	Phát triển tầu du lịch Huế - Đà Nẵng	Huế, Đà Nẵng	□	■		Đường sắt VN, tư nhân
FS6	Bến tầu Nha Trang	TP Nha Trang	□	■		UBND tỉnh Khánh Hoà
FS7	Mạng lưới đường bộ bờ biển	7 tỉnh, thành phố	□	■	■	UBND 7 tỉnh, thành phố
<b>Quản lý tài nguyên</b>						
RM1	Phục hồi Tử cấm thành Huế	Tử cấm thành trong thành nội Huế	□	■		Bộ VH TT, UBND tỉnh TTHuế
RM2	Chương trình hỗ trợ du lịch làng quê	1 làng tại 10 tỉnh	□	■	■	Bộ NN&PTNT, UBND các tỉnh
RM2(A)	Du lịch làng quê ven biển Mỹ Khê	Quảng Ngãi	□	■		UBND tỉnh Quảng Ngãi
RM3	Khu thánh địa Mỹ Sơn	Mỹ Sơn	■			UBND tỉnh Quảng Nam
RM4	Quản lý đô thị Huế (TOR)	Thành nội, làng xóm	■			UBND thành phố Huế
RM5	Quản lý đô thị Hội An (TOR)	TX Hội An	■			UBND thị xã Hội An
RM6	Phát triển khu ven biển Mỹ Khê - Non Nước	TP Đà Nẵng	■	■		UBND TP Đà Nẵng
RM7	Trung tâm quản lý bờ biển Nha Trang	TP Nha Trang	■			Bộ KH-CN-MT, UBND tỉnh Khánh Hoà
RM8	Chương trình phòng trưng bày và khu tháp Chăm	các tỉnh, thành	□	■		UBND các tỉnh, thành
RM9	Chương trình giảm thiểu tác động lũ Hội An (TOR)	sông Thu Bồn	■			Bộ NN&PTNT, UBND tỉnh Quảng Nam

Chú thích: □=chuẩn bị    ■=thực hiện dự án

Nguồn: đoàn nghiên cứu JICA

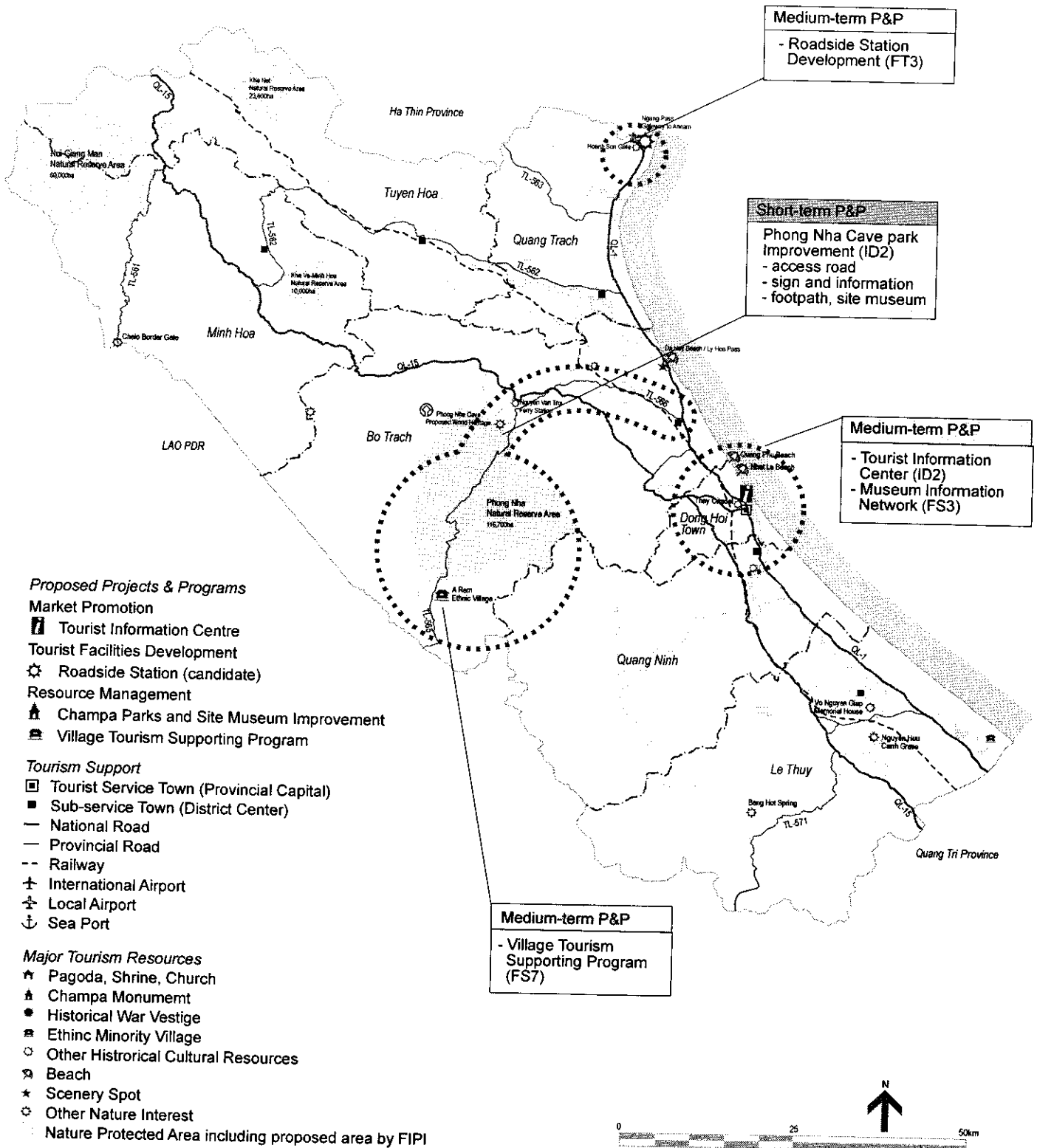
Bảng 5.3 Các dự án/ chương trình (2)

Mã	Tên dự án / chương trình	Phân loại IEE	Quảng Bình	Quảng Trị	TT Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	Phước Yên	Khánh Hòa	Ninh Thuận	Bình Thuận	Khác
<b>Phát triển thể chế</b>														
ID1	Ban Xúc tiến Du lịch Việt Nam (VTPB)	A												■
ID2	Trung tâm thông tin Du lịch (TIC)	A	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■
<b>Phát triển nguồn nhân lực</b>														
HR1	Học viện Du lịch Việt Nam	B				■								
HR2	Trường Du lịch Nha Trang	B								■				
<b>Phát triển tiện nghi: Giao thông</b>														
FT1	Chương trình nâng cấp sân bay	C			■	■					■			
FT2	Nhà ga tàu biển du lịch	C				■								
FT3	Phát triển các bãi đỗ xe bên đường	B	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■
<b>Phát triển tiện nghi: Cơ sở lưu trú</b>														
FA1	Khu du lịch Lăng Cô	C			■									
FA2	Khu du lịch mũi Kê Gà	C											■	
<b>Phát triển tiện nghi: Dịch vụ</b>														
FS1	Nâng cấp sản phẩm thủ công mỹ nghệ	A			■							■		
FS2	Khu bảo tồn thiên nhiên động Phong Nha	C	■											
FS3	Mạng lưới thông tin bảo tàng lịch sử - văn hoá	A	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■
FS4	Phát triển Trung tâm du khách	B			■	■					■			
FS5	Phát triển tàu du lịch Huế - Đà Nẵng	C			■	■								
FS6	Bến tàu Nha Trang	C									■			
FS7	Mạng lưới đường bộ bờ biển	B			■	■	■	■	■		■		■	
<b>Quản lý tài nguyên du lịch</b>														
RM1	Phục hồi Tử cấm thành Huế	B			■									
RM2	Chương trình hỗ trợ du lịch làng quê	A	■	■	■		■	■	■	■	■	■	■	■
RM2(A)	Du lịch làng quê ven biển Mỹ Khê	A					■							
RM3	Khu thành địa Mỹ Sơn	B					■							
RM4	Quản lý đô thị Huế (TOR)	C			■									
RM5	Quản lý đô thị Hội An (TOR)	C					■							
RM6	Phát triển khu ven biển Mỹ Khê - Non Nước	C				■								
RM7	Trung tâm quản lý bờ biển Nha Trang	B									■			
RM8	Chương trình phòng trung bày và khu tháp Chăm	B	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■
RM9	Chương trình giảm thiểu tác động lũ Hội An (TOR)	C					■							

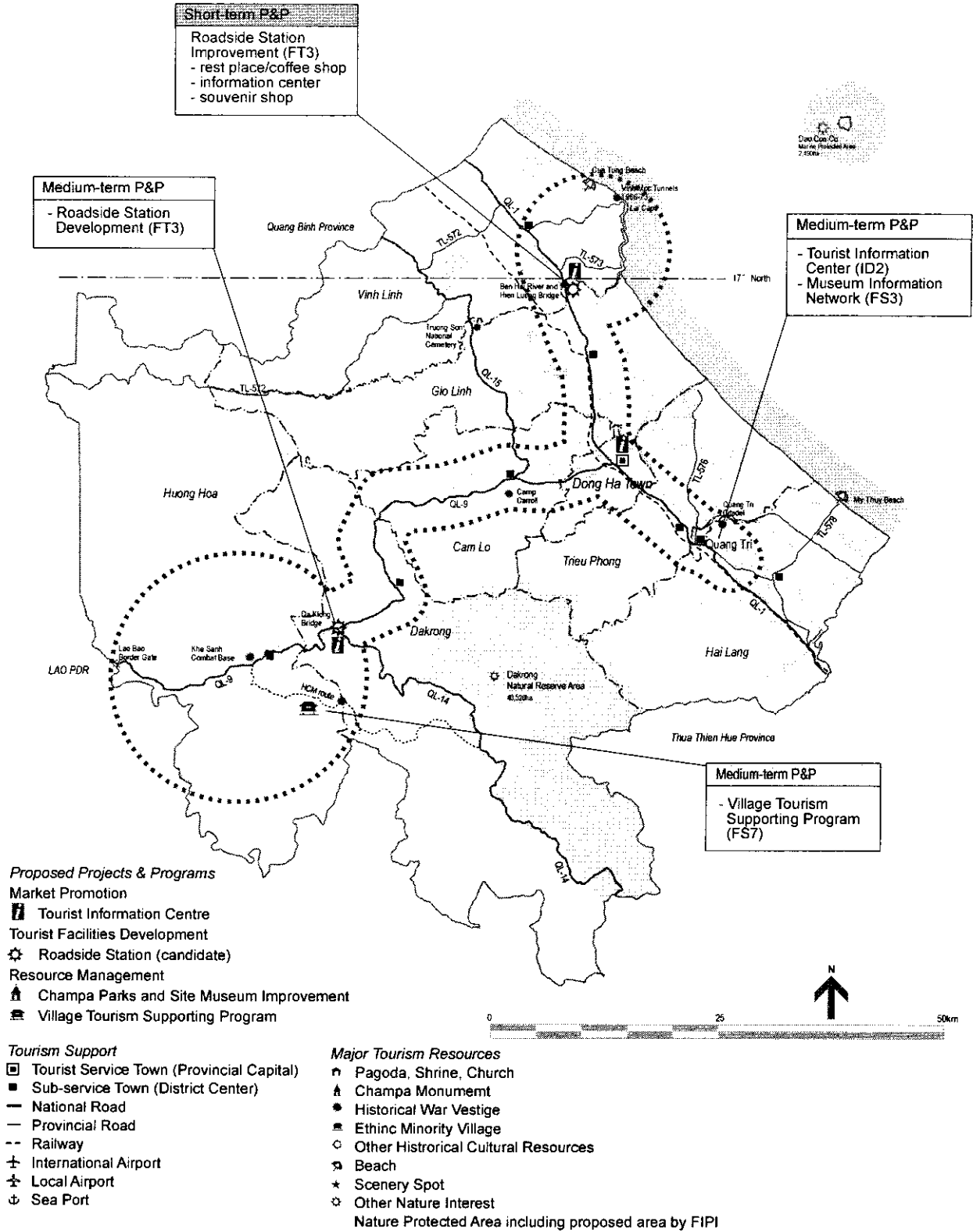
Nguồn: đoàn nghiên cứu JICA



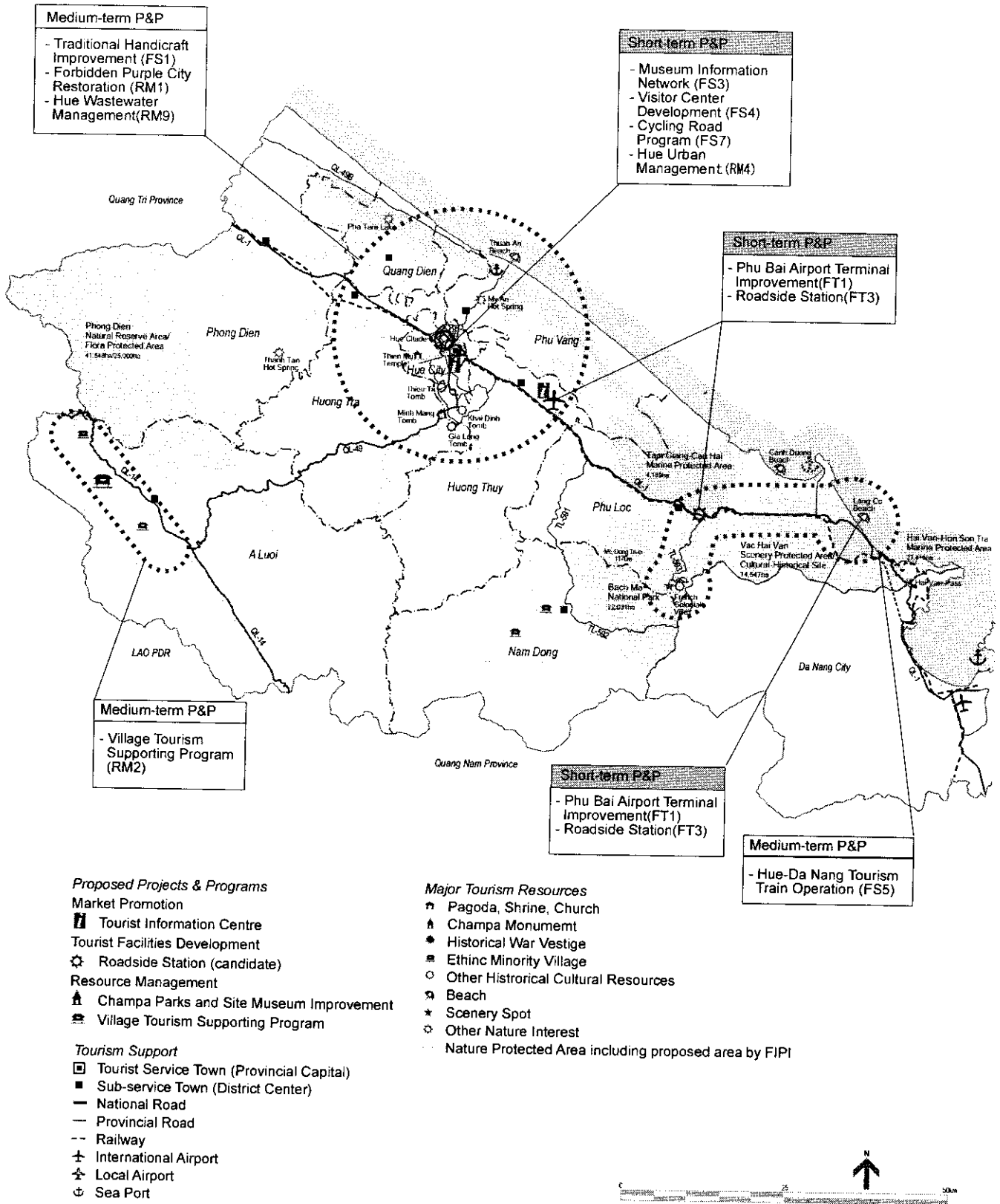
**Bản đồ 5.1 Tỉnh Quảng Bình**



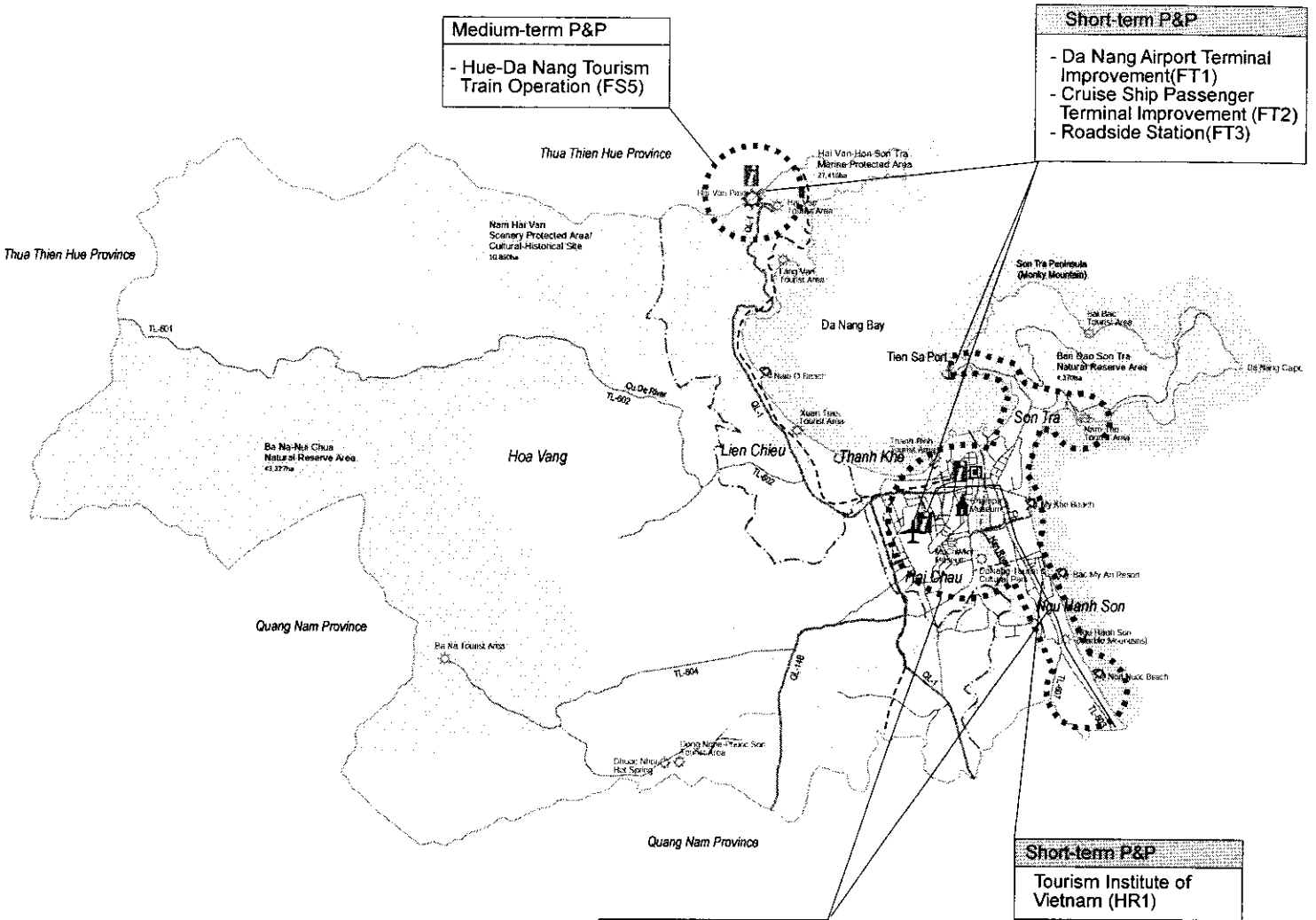
### Bản đồ 5.2 Tỉnh Quảng Trị



**Bản đồ 5.3 Tỉnh Thừa Thiên Huế**



**Bản đồ 5.4 Thành phố Đà Nẵng**



**Proposed Projects & Programs**

**Market Promotion**

🏢 Tourist Information Centre

🏠 Tourist Facilities Development

🚗 Roadside Station (candidate)

**Resource Management**

🏞️ Champa Parks and Site Museum Improvement

🏘️ Village Tourism Supporting Program

**Tourism Support**

🏢 Tourist Service Town (Provincial Capital)

🏠 Sub-service Town (District Center)

— National Road

— Provincial Road

--- Railway

✈️ International Airport

✈️ Local Airport

⚓ Sea Port

**Major Tourism Resources**

🏯 Pagoda, Shrine, Church

🏞️ Champa Monument

🏘️ Historical War Vestige

🏘️ Ethnic Minority Village

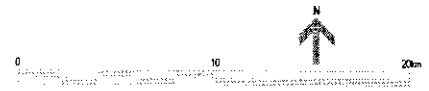
🏘️ Other Historical Cultural Resources

🏖️ Beach

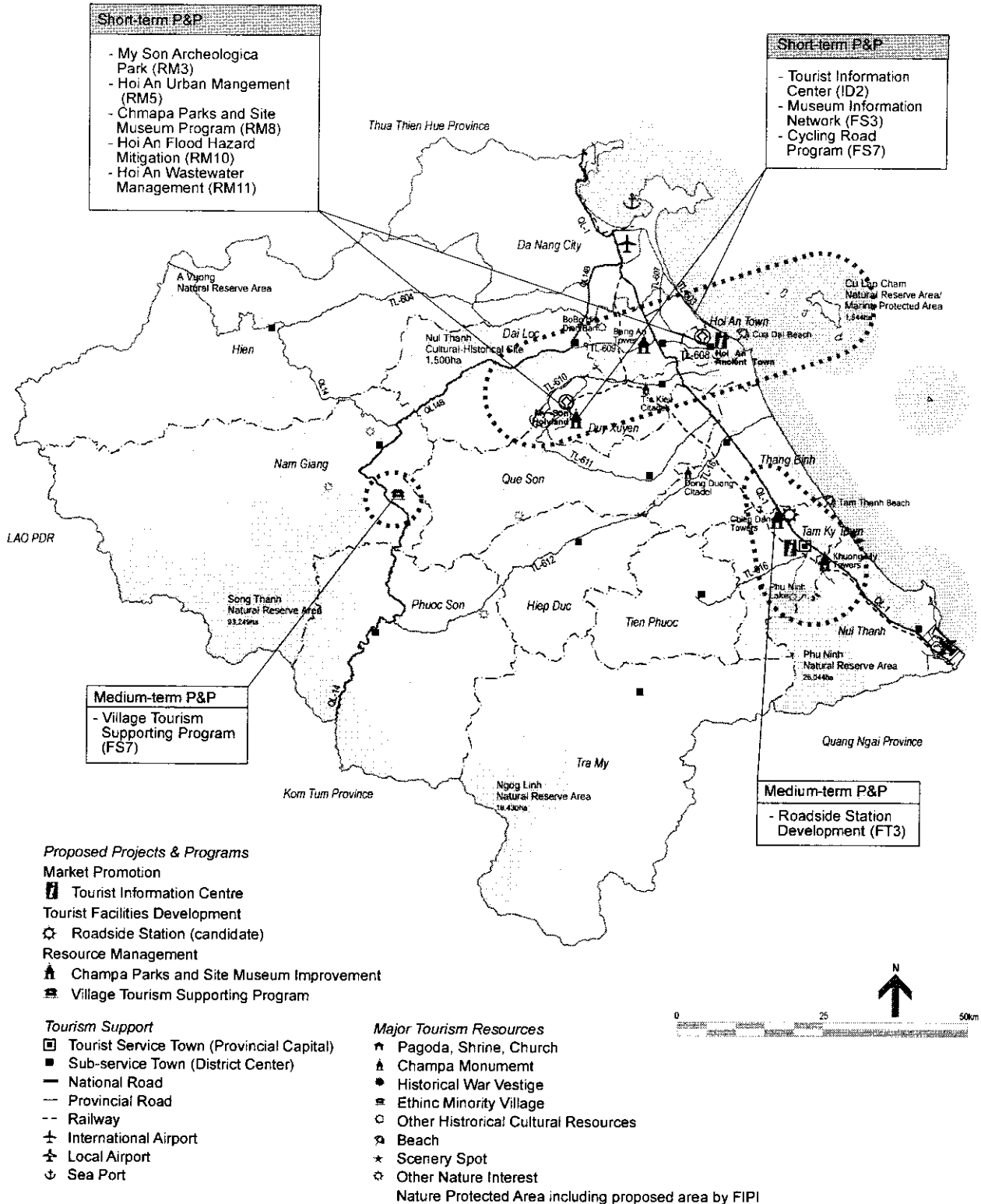
🌟 Scenery Spot

🌿 Other Nature Interest

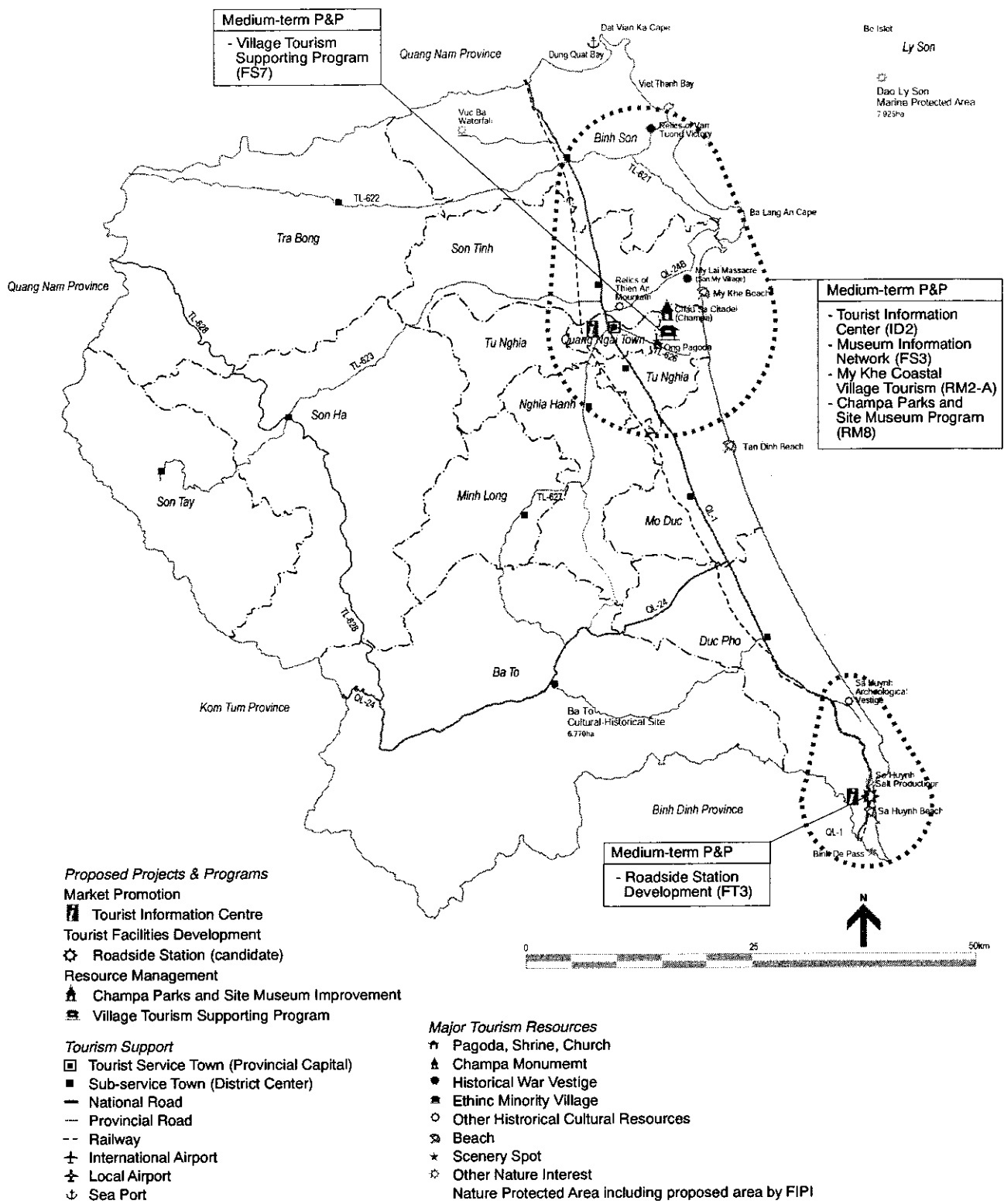
Nature Protected Area including proposed area by FIPI



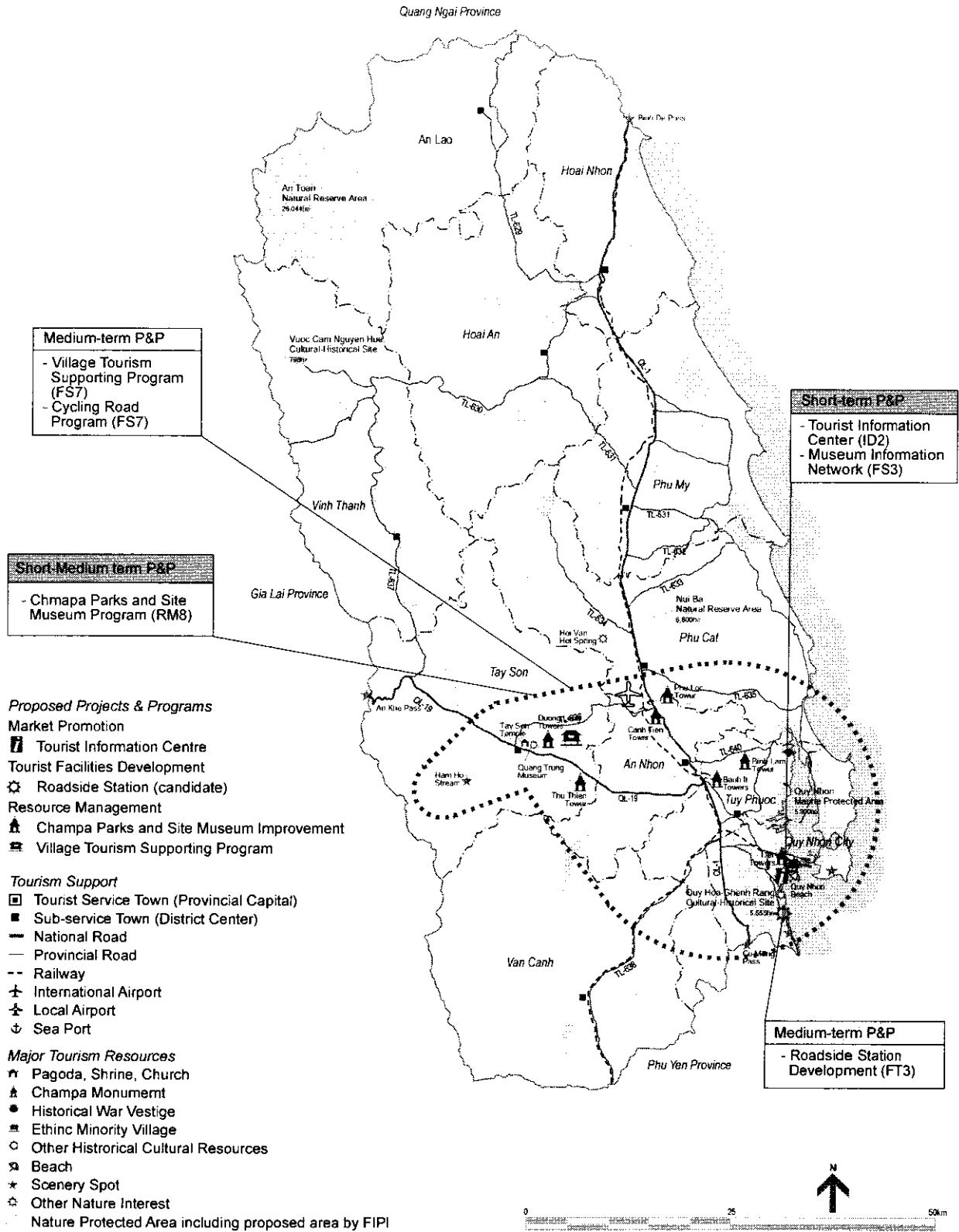
**Bản đồ 5.5 Tỉnh Quảng Nam**



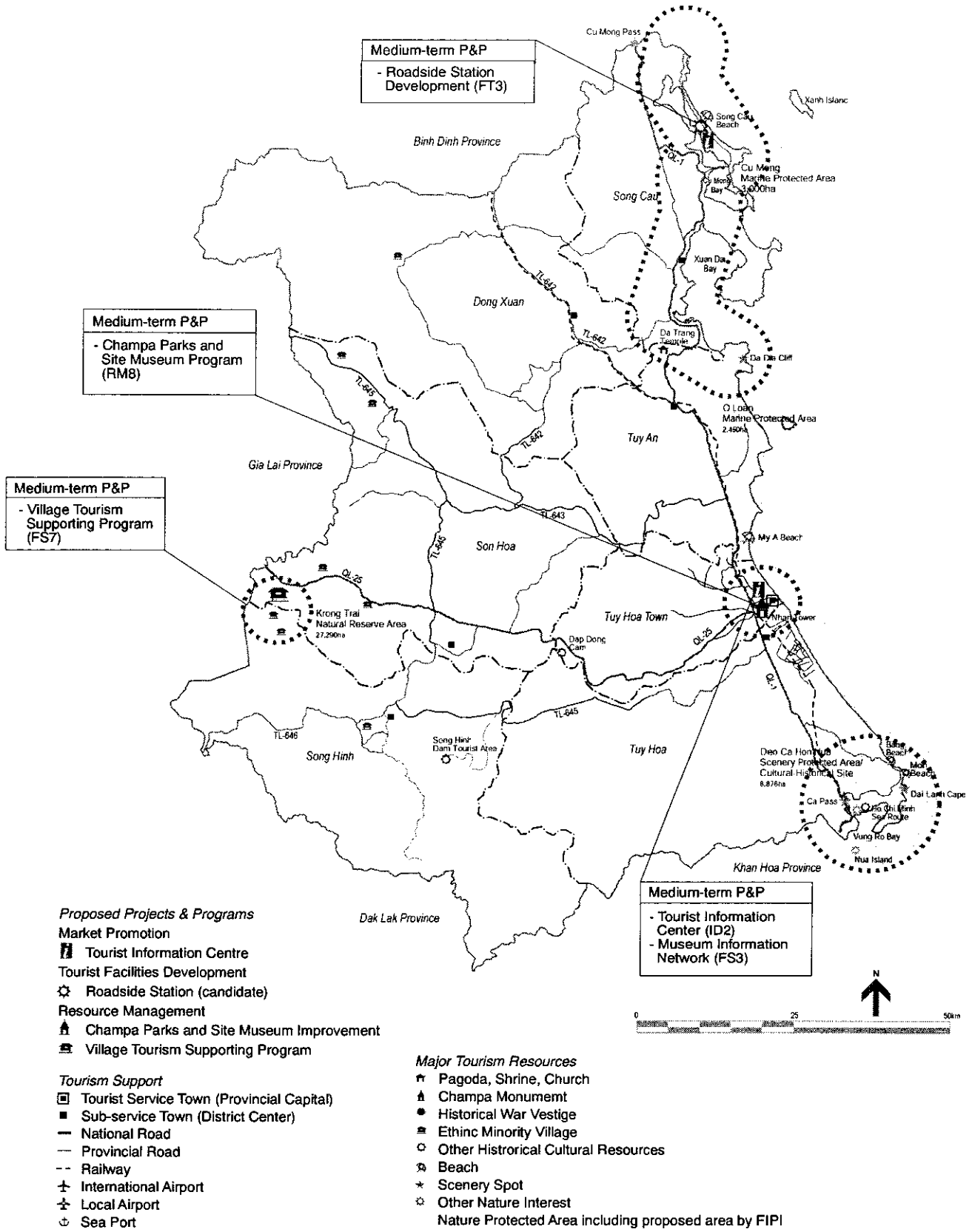
## Bản đồ 5.6 Tỉnh Quảng Ngãi



**Bản đồ 5.7 Tỉnh Bình Định**

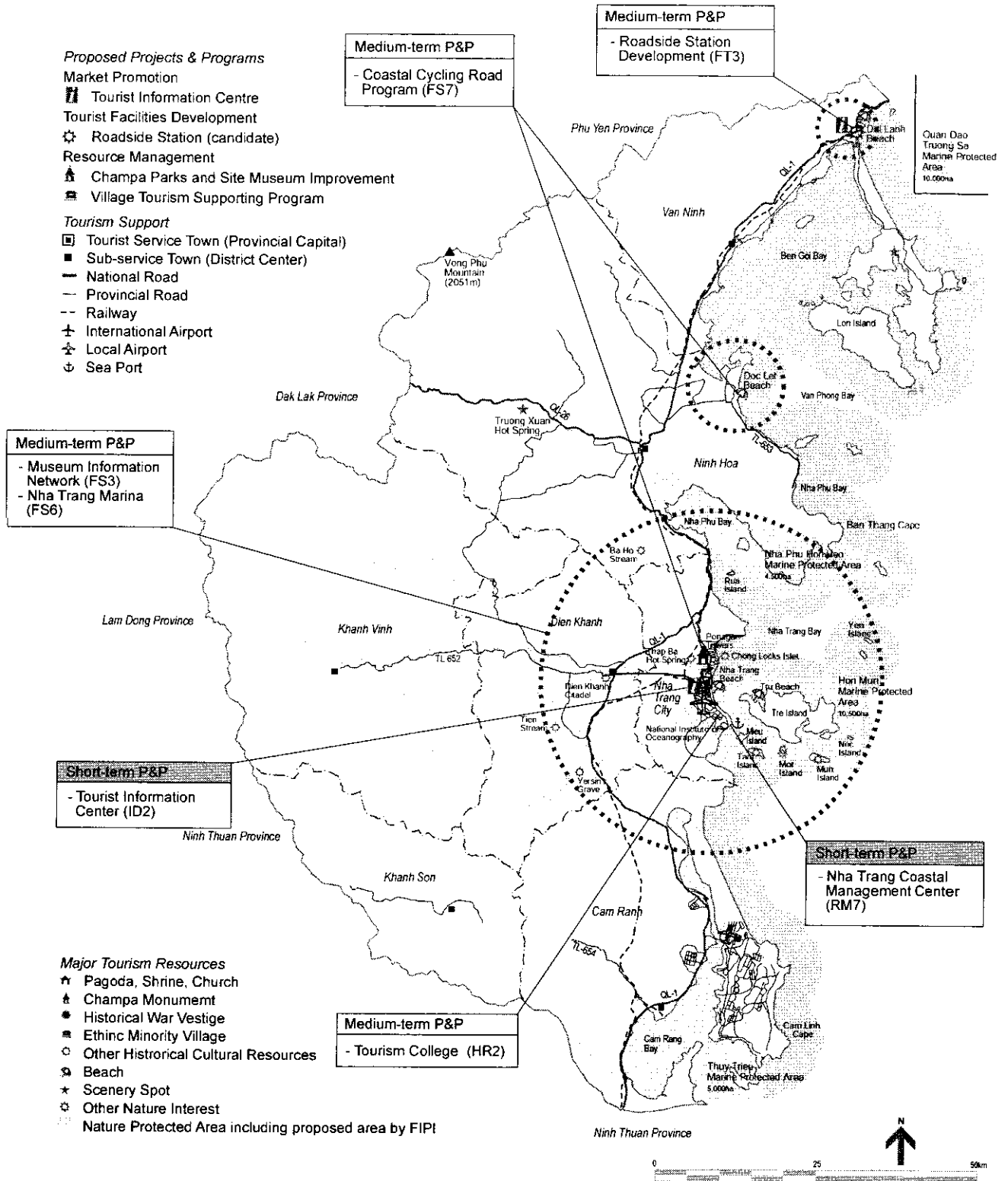


**Bản đồ 5.8 Tỉnh Phú Yên**

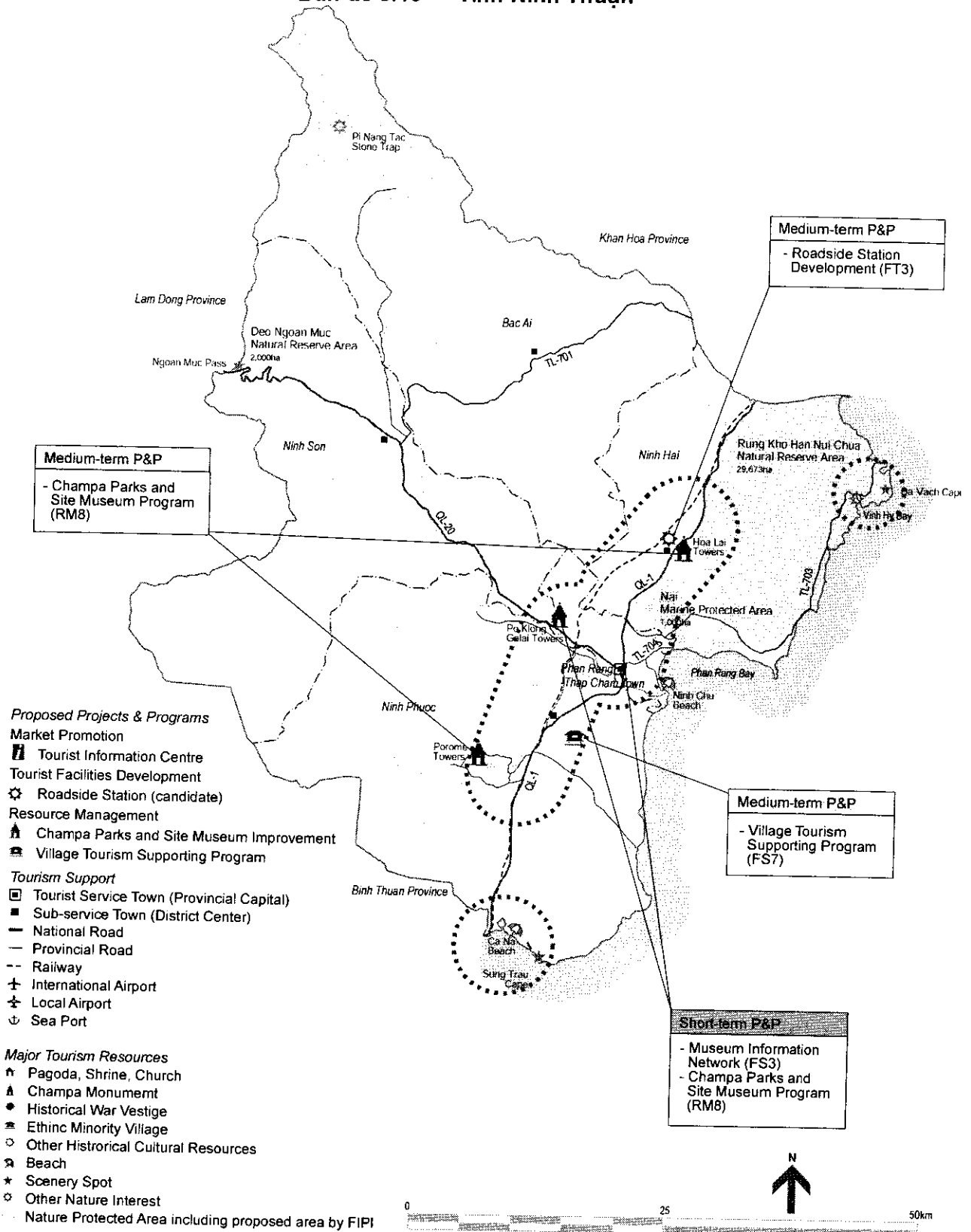




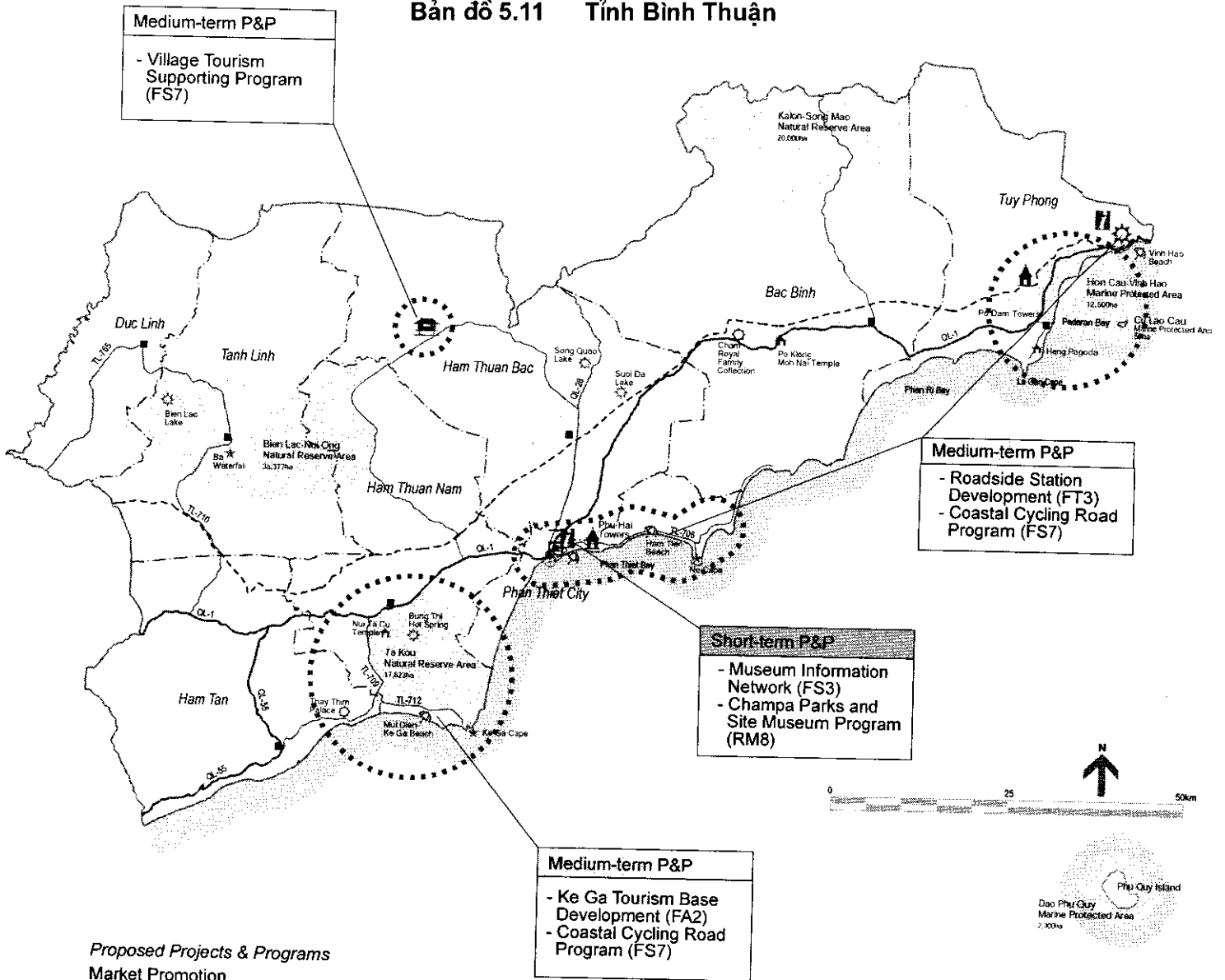
**Bản đồ 5.9 Tỉnh Khánh Hoà**



**Bản đồ 5.10 Tỉnh Ninh Thuận**



**Bản đồ 5.11 Tỉnh Bình Thuận**



**Proposed Projects & Programs**

**Market Promotion**

Tourist Information Centre

Tourist Facilities Development

Roadside Station (candidate)

**Resource Management**

Champa Parks and Site Museum Improvement

Village Tourism Supporting Program

**Tourism Support**

Tourist Service Town (Provincial Capital)

Sub-service Town (District Center)

National Road

Provincial Road

Railway

International Airport

Local Airport

Sea Port

**Major Tourism Resources**

Pagoda, Shrine, Church

Champa Monument

Historical War Vestige

Ethnic Minority Village

Other Historical Cultural Resources

Beach

Scenery Spot

Other Nature Interest

Nature Protected Area including proposed area by FIPI

0 25 50km



## 6. Kết luận và khuyến nghị

Du khách quốc tế vào Việt Nam ước đạt 4,2 triệu lượt người vào năm 2010 và 8,0 triệu vào năm 2020. Tổng lượng khách quốc tế đến tăng gấp đôi trong vòng 10 năm, và 4 lần trong vòng 20 năm. Mặt khác, lượng du khách nội địa theo các con số thống kê chính thức là khoảng 10 triệu vào năm 2000, và được dự đoán sẽ tăng lên đến 50 triệu lượt vào năm 2020 với mức tăng trung bình hàng năm là 8,4 phần trăm. Tổng số đêm lưu trú du khách bao gồm cả du khách nội địa và quốc tế được ước tính là 28 triệu lượt trong năm 2000, và con số đó sẽ tăng gấp bốn lần đến 120 triệu lượt vào năm 2020. Từ kết quả đó, thu nhập du lịch từ du khách nội địa và quốc tế cũng sẽ gấp đôi trong vòng 10 năm từ 21 nghìn tỉ đồng đến 43 nghìn tỉ đồng.

Trong Vùng nghiên cứu, tổng lượng khách đến cả nội địa và quốc tế sẽ là 3,7 triệu lượt người, tổng số đêm lưu trú của khách là 6,8 triệu đêm. Việc làm trực tiếp và gián tiếp trong Vùng nghiên cứu vào năm 2010 sẽ là 50 nghìn và 120 nghìn vào năm 2020.

Khung phát triển không gian cho Vùng nghiên cứu được lập như sau:

- Phân phía bắc của Vùng nghiên cứu bao gồm Huế, Hội An và Mỹ Sơn cần được củng cố như là điểm đến du lịch văn hoá lịch sử với một số khu nghỉ dưỡng bổ sung
- Phân phía nam mà đại diện là Khánh Hoà và Bình Thuận cần được phát triển thành điểm đến nghỉ dưỡng ven biển với điều kiện thời tiết và khả năng tiếp cận tốt

Những vấn đề chính của phát triển thể chế có ý nghĩa đối với phát triển du lịch ở Việt Nam và miền Trung là công tác xúc tiến và quảng bá thị trường kết hợp với cung cấp thông tin du lịch cũng như phối hợp, hợp tác giữa các cơ quan quản lý khác nhau cho phát triển du lịch. Chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị sau:

- Xúc tiến công tác khuyến khích người nước ngoài vào Việt Nam, đi du lịch khắp trong nước.
- Thành lập một cơ quan, lấy tên là Ban Xúc tiến Du lịch Việt Nam (VTPB) dưới sự quản lý của Tổng cục Du lịch Việt Nam (VNAT), để tiến hành công tác xúc tiến và quảng bá ở cấp độ chuyên nghiệp.
- Thành lập các văn phòng đại diện ở nước ngoài của cơ quan trên tại các thị trường nguồn chính để tiến hành các hoạt động xúc tiến đa dạng và cụ thể trong địa bàn phụ trách của mình
- Thành lập các Trung tâm Thông tin Du lịch (TIC), trực thuộc VTPB, tại ba thành phố cửa ngõ và các điểm đến phổ biến khác.

Phát triển nguồn nhân lực trong ngành du lịch đòi hỏi phải nâng cao tính hiệu quả của hệ thống giáo dục và đào tạo du lịch và nâng cao chất lượng và số lượng lực lượng lao động. Để đảm bảo hệ thống đào tạo đáp ứng được nhu cầu của ngành, chúng tôi đưa ra khuyến nghị cần nâng cấp hệ thống quản lý các trường đào tạo du lịch để có thể quản lý hiệu quả các trường này cũng như phát triển nghiên cứu theo yêu cầu đào tạo của ngành. Thành lập Học viện Du lịch tại Đà Nẵng và Trường Du lịch Nha Trang được đề xuất.

Phát triển tiện nghi để hỗ trợ phát triển du lịch là một trong những yếu tố chủ chốt để phát triển sản phẩm du lịch tương lai và xúc tiến du lịch.

Các tiện nghi giao thông cần nhanh chóng được cải tạo và nâng cấp đặc biệt là đường hàng không. Chúng tôi đề xuất phát triển nhà ga hành khách tại cảng biển để đón du thuyền quốc tế và vận hành xe lửa du lịch đoạn Huế - Đà Nẵng nhằm đa dạng hoá sản phẩm.

Các tiện nghi vệ sinh ở các khu đô thị của các điểm đến chính cần được nâng cấp nhanh chóng, và các tiện nghi về dịch vụ du khách như Trung tâm Thông tin Du lịch, tiện nghi nghỉ ngơi, khu vệ sinh công cộng và không gian cho du khách cũng được đề nghị phát triển tại từng điểm đến chính.

Cơ sở lưu trú cần phù hợp từng dạng điều kiện vị trí và hình ảnh sản phẩm, và đề nghị nên phát triển chủ yếu ở khu vực ven biển, có chú ý tới sự phân bố hài hoà với nhu cầu và xu hướng thị trường.

Bảo tồn môi trường và bảo vệ tài nguyên du lịch tránh xuống cấp là yếu tố chủ chốt cho phát triển du lịch bền vững. Giảm thiểu lũ và tái trồng rừng để phát triển nguồn nước là những hành động cần thiết để quản lý tài nguyên du lịch hiệu quả.

Hệ thống Đánh giá Môi trường cần được cải thiện và nâng cấp hiệu quả để giảm thiểu những tác động tiêu cực của phát triển du lịch.

Đề xuất các tiện nghi du khách để khuyến khích du lịch văn hoá và lịch sử, không chỉ cho du khách mà còn cho cả người dân Việt Nam. Phòng trưng bày tại địa điểm di tích, trung tâm du khách, và trung tâm hàng thủ công được đề xuất phát triển như là các tiện nghi du khách.

Phát triển nông thôn và du lịch làng quê trở nên các chiến lược phát triển tối quan trọng cho Việt Nam. Để giảm thiểu các tác động xã hội, cần thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết lập cơ chế phối hợp hoạt động giữa các nhà nắm giữ tài nguyên
- Lập và thực hiện hướng dẫn du lịch làng quê
- Chuẩn bị và tiến hành danh mục đánh giá cho phát triển du lịch
- Chuẩn bị các quy định để bảo vệ môi trường xã hội

Đề phòng ô nhiễm nguồn nước cho Đà Nẵng, Huế, Hội An và Nha Trang, và hệ thống xử lý chất thải rắn cho Đà Nẵng, Huế, Hội An cũng được xác định là yêu cầu cấp bách để tránh các tác động tiêu cực từ phát triển du lịch. Thiết lập hệ thống quản lý đô thị ở thành phố Huế và thị xã Hội An; kiểm soát việc sử dụng đất tại khu vực ven biển ở Đà Nẵng và Nha Trang; chuẩn bị trung tâm du khách được đề xuất.

Hai mươi năm (25) chương trình và dự án ưu tiên đã được xác định. Đặc biệt, việc thành lập VTPB để xúc tiến Du lịch ở cấp quốc gia, Trung tâm Thông tin Du lịch và phát triển Học viện Du lịch Việt Nam có liên quan chặt chẽ đến VNAT.

Tổng chi phí đầu tư cần thiết cho phát triển du lịch trong Vùng nghiên cứu đến năm 2010 được ước tính là 900 triệu đô la Mỹ. Chi phí này bao gồm việc thực hiện các chương trình, dự án đề xuất trong quy hoạch tổng thể cộng với chi phí đầu tư cho phát triển cơ sở lưu trú. Mặt khác, giá trị gia tăng ước đạt 4,6 tỷ đô la Mỹ. Tỷ lệ giá trị gia tăng trên chi phí đầu tư là 5,3. Đầu tư cho phát triển du lịch

sẽ đóng góp vào phát triển kinh tế của Vùng nghiên cứu.

Các hướng dẫn cho phát triển du lịch như Du lịch Làng quê và phát triển các tiện nghi du lịch khác cũng được đưa ra.